

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/ HNGĐ-ST  
Ngày 12/6/2020.  
V/v: tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ánh Bình

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

***-Thư ký phiên tòa:*** bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:*** không tham gia

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 109/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 01/6/2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1970. Địa chỉ: khóm 1, thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long ( có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Ngọc Sang ( văn phòng Luật sư số 7) thuộc đoàn Luật sư Thành phố Cần Thơ ( có đơn xin vắng mặt).

*2. Bị đơn:* ông Mai Trọng H, sinh năm 1974. Địa chỉ: khóm 6, thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long ( vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày:*

Bà và ông Mai Trọng H quen biết tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, lễ cưới tổ chức năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long ngày 20/3/2006. Sau khi cưới bà về sống chung với gia đình ông H được một năm thì cất nhà ra ở riêng tại khóm 1, thị trấn Long Hồ, ông H vẫn ở tại nhà cha mẹ ruột ở khóm 6, thị trấn Long Hồ và hai bên tới lui thăm nhau. Sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, do ông H

làm thợ hồ nên thường xuyên uống rượu với bạn bè, mỗi lần uống rượu xong đến nhà chửi cự cãi với bà, không quan tâm gì đến gia đình, không phụ bà chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung. Khoảng tháng 10/2018 âm lịch vợ chồng xảy ra cự cãi tại nhà của ông H, từ đó vợ chồng không còn qua lại với nhau nữa và ông H cũng không tới lui thăm các con. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn lại được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Con chung có hai người Mai Thị Ngọc H, sinh ngày 03/5/2007 và Mai Chí H, sinh ngày 12/3/2010 hiện nay bà đang nuôi dưỡng, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có.

Bị đơn ông Mai Trọng H trực tiếp nhận thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án hai lần, nhưng ông H vắng mặt không tham gia hòa giải, không nộp văn bản trình bày ý kiến yêu cầu của mình để Tòa án xem xét giải quyết.

*Tại phiên tòa:* nguyên đơn không cung cấp chứng cứ gì mới, yêu cầu ly hôn và nuôi con.

Bị đơn ông Mai Trọng H trực tiếp nhận quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

*Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn:*

Luật sư gửi bài luận cứ trình bày: bà Lê Thị Thu H và ông Mai Trọng H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn xảy ra hai người đã ly thân từ tháng 02/2019 đến nay. Tòa án mời hòa giải hai lần và xét xử công khai nhưng ông H cố tình vắng mặt, ông H không có thiện chí hòa giải để sum họp gia đình. Bà H thì cương quyết xin ly hôn với ông H. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thu H. Giao hai cháu Mai Thị Ngọc H và Mai Chí H cho bà H nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Bị đơn ông Mai Trọng H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thu H, xét thấy:

Bà Lê Thị Thu H và ông Mai Trọng H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Long Hồ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/3/2006, hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được hai người con, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H thường xuyên uống rượu về nhà chửi bà H, không quan tâm đến gia đình vợ con, bà H khuyên nhiều lần nhưng ông H không thay đổi nên đã ly

thân từ tháng 02/2019 đến nay. Trong thời gian ly thân hai bên không gặp nhau bàn bạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tòa án mời hòa giải hai lần và ông H là người trực tiếp nhận văn bản, nhưng không tham gia giải quyết vụ án, không làm văn bản nêu ý kiến yêu cầu của mình nộp cho Tòa án cũng như không gặp bà H bàn bạc để vợ chồng đoàn tụ mà dẫn đến mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm đến nhau. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng: vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau. Ông H và bà H không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2019 cho đến nay đã làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt. Tại Tòa bà H trình bày hơn một năm nay ông H không thăm con, không đóng góp phí tổn nuôi con chung, bỏ mặc cho bà lo liệu nuôi con một mình. Tại Tòa bà H trình bày ông H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đã kêu bà làm đơn ly hôn, thời gian trước đây bà chung sống với ông H không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn ông H.

[3] Về nuôi con chung: có hai người con gồm Mai Thị Ngọc Hân, sinh ngày 03/5/2007 và Mai Chí Hùng, sinh ngày 12/3/2010 hiện nay bà H đang nuôi dưỡng và bà H yêu cầu được nuôi con, xét thấy: hiện nay hai con chung bà H đang chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu Hân và cháu Hùng được sống với mẹ, vì vậy giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Phần cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà H không yêu cầu giải quyết.

Xét quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H. Cho bà H được ly hôn ông Mai Trọng H.

2.Về nuôi con chung: giao hai con chung Mai Thị Ngọc H, sinh ngày 03/5/2007 và Mai Chí H, sinh ngày 12/3/2010 cho bà Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Mai Trọng H có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị Thu H không yêu cầu giải quyết.

3.Về án phí: bà Lê Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005624 ngày 04/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Bà H đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TANDT Vĩnh Long;
- VKSND cùng cấp;
- CC THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Long Hồ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Ánh Bình**